

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 212/2022/DSPT

Ngày: 21/9/2022

*Tranh chấp quyền sử dụng đất.
(lấn chiếm)*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc;

Các Thẩm phán:

Ông Cao Văn Lạc;

Bà Đặng Thị Ánh Bình,

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Tình - Cán bộ
Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 08 năm 2022 và ngày 21/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý: 115/TLPT- DS, ngày 18 tháng 05 năm 2022. Về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất (lấn chiếm).

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DSST, ngày 01 tháng 04 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 136/2022/QĐ-PT, ngày 30 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng L, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Số T, khóm H, phường N, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ hiện nay: Số B, đường C, khóm N, Phường N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 06/09/2022).

Bị đơn: Ông Nguyễn Đắc Kh, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Số B, ấp B, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, ấp B, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2/Anh Phan Thanh H, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Đắc Kh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/3/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Hồng L trình bày:

Chị Trần Thị Hồng L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 743, diện tích 380,1m² (trong đó có 248,3m² đất ONT và 131,8m² đất CLN) tọa lạc tại xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Nguồn gốc đất là do chị L mua tài sản bán đấu giá từ Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Hồ vào năm 2020. Thửa đất số 743 giáp ranh với thửa số 1908, tờ bản đồ số 3, diện tích 99,4m², loại đất CLN do ông Nguyễn Đắc Kh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình sử dụng ông Kh có lấn sang phần đất của chị L chiều ngang phía trong là 4,6m, chiều ngang giáp lộ là 1,7m, chiều dài là 18m. Tổng diện tích ông Kh lấn chiếm là 58m². Do tại thời điểm Chi cục thi hành án Dân sự huyện Long Hồ giao đất cho chị L thì ông Kh đã lấn sang thửa 743, diện tích 58m² nên chị L không đồng ý nhận đất, nhưng do trong biên bản giao đất của Chi cục thi hành án có ghi nhận việc ông Kh lấn sang phần đất thửa 743 diện tích 58m², nên chị L đồng ý nhận đất.

Hiện trạng trên phần đất tranh chấp có bờ tường xây gạch ống cao 60cm, dài 18,3m, do phía ông Kh xây trị giá 6.500.000đồng. Ngoài ra, trên phần đất không có vật kiến trúc hay cây trồng gì khác.

Chị Trần Thị Hồng L yêu cầu ông Nguyễn Đắc Kh và bà Nguyễn Thị Th tháo dỡ bờ tường và trả lại phần đất thuộc thửa 743-2, diện tích 55,4m² (theo đo đạc hiện trạng) loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cho chị L.

Bị đơn ông Nguyễn Đắc Kh trình bày:

Năm 2014, ông Kh nhận chuyển nhượng phần đất của ông Nguyễn Văn X và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất này thuộc thửa 1908 (thửa mới là 116), tờ bản đồ số 3, loại đất CLN, tọa lạc ấp T, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long có diện tích 99,4m². Cũng trong năm 2014, ông Kh tiếp tục nhận chuyển nhượng phần đất liền kề phần đất thửa 1908, diện tích 56m² của bà Hồ Thị B, hợp đồng chuyển nhượng lập giấy tay, không làm hợp đồng chuyển nhượng vì thời điểm đó bà B thế chấp phần đất này vay tiền Ngân hàng. Do bà B thiếu nợ, nên phần đất của bà B bị đem bán đấu giá, và chị L mua phần đất này từ Chi cục thi hành án, khi thi hành án giao đất cho chị L ông Kh không có ở địa phương vì ông Kh bận về quê nên không hay biết. Ông Kh có làm bờ tường bao lại phần đất đã nhận chuyển nhượng của bà B với phần đất

thửa 1908 của ông Kh, bờ tường cao khoảng gần 01m, dài khoảng 18m vào năm 2017. Phần đất của ông Kh khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Nhà nước chưa làm đường đi, sau này Nhà nước đã mở rộng đường nên phần đất của ông Kh cũng bị ảnh hưởng nhưng không xác định diện tích bao nhiêu. Ông Kh, bà Th là vợ chồng nên đây là tài sản chung của ông Kh, bà Th.

Ông Kh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị L vì ông Kh không có lần đất qua phần đất 55,4m² của chị L, phần đất chị L tranh chấp với ông Kh là ông Kh đã nhận chuyển nhượng của bà B trước khi chị L mua đấu giá.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày:
Bà Th là vợ của ông Nguyễn Đắc Kh, thửa đất 1908, tờ bản đồ số 3, diện tích 99,4m², loại đất CLN, tọa lạc ấp T, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Đắc Kh đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ nhưng đây là tài sản chung của vợ chồng. Nguồn gốc, là nhận chuyển năm 2014 của bà B, gia đình đã xây hàng rào trụ bê tông, tường cao khoảng 1m, tường 20 bao quanh phần diện tích đất sử dụng. Đến năm 2020, bà Th biết thông tin Cơ quan Thi hành án giao cho chị L, thời gian đó ông Kh và bà Th không có ở nhà, Cơ quan Thi hành án không mời các chủ giáp cận ký tên xác định trụ ranh, nên việc chị L cho rằng ông Kh lấn sang phần đất của chị L tại thửa 743 diện tích 58m² là hoàn toàn không đúng sự thật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST, ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ. Tuyên xử:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Hồng L.

Công nhận phần đất có diện tích 55,4m² thuộc thửa 743-2 gồm các mốc 1, 14, 7, 8, 12, 1 (kèm theo trích đo bản đồ địa chính) loại đất CLN, tọa lạc tại xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cho chị Trần Thị Hồng L.

Buộc ông Nguyễn Đắc Kh và bà Nguyễn Thị Th phải trả phần đất lấn chiếm thuộc thửa 743-2, diện tích 55,4m² (gồm các mốc 1, 14, 7, 8, 12, 1) loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cho chị Trần Thị Hồng L (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 04/10/2021 và kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 06/01/2022).

2/ Buộc chị Trần Thị Hồng L trả lại giá trị phần bờ tường xây gạch ống cao 60cm, dài 18,3m cho ông Nguyễn Đắc Kh và bà Nguyễn Thị Th là 6.500.000đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Công nhận cho chị Trần Thị Hồng L được quyền sử dụng phần bờ tường xây gạch ống cao 60cm, dài 18,3m.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 12/4/2022, ông Nguyễn Đắc Kh kháng cáo. Nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

Đo đạc lại và công nhận phần đất 55,4m² của ông Kh hợp pháp; định giá lại công sức tôn tạo; đang thực hiện việc thuê đất cho anh Phan Thanh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Không đồng ý theo kháng cáo của ông Kh. Trong trường hợp ông Kh muốn nhận đất thì ông Kh phải trả giá trị đất cho chị L 8.000.000 đồng/m² hoặc ông Kh muốn chuyển nhượng phần đất còn lại của ông Kh cho chị L, chị L đồng ý nhận chuyển nhượng đất của ông Kh với giá 1.700.000 đồng/m²

Bị đơn ông Kh trình bày: Phần đất chị L tranh chấp là do ông Kh nhận chuyển nhượng của bà B, khi nhận chuyển nhượng hiện trạng là đất ao, ông Kh đã tiến hành san lấp, xây dựng tường rào. Sau đó, ông Kh cho anh H thuê toàn bộ diện tích đất của ông Kh với thời hạn 05 năm (kể từ năm 2020). Ông Kh là người trực tiếp quản lý sử dụng đất từ năm 2014 cho đến thời gian cho anh H thuê đất. Do đó, ông Kh không lấn chiếm đất như chị L trình bày, ông Kh đồng ý trả giá trị đất cho chị L 1.700.000 đồng/m² với loại đất trồng cây lâu năm.

Bà Nguyễn Thị Th thống nhất với ý kiến của ông Kh trình bày.

Trình bày phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay sự có mặt của các thành viên, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại phiên tòa phúc thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình tham gia tố tụng.

Nội dung vụ án: Tạm ngừng phiên tòa để định giá đất theo giá thị trường phần đất tranh chấp để làm căn cứ giải quyết vụ án theo Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự. Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ngày 01/4/2022 đến ngày 15/04/2022 ông Kh có đơn kháng cáo nên kháng cáo của ông Kh là hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/04/2022 ông Kh có đơn kháng cáo và cung cấp các tài liệu chứng cứ mới gồm: Giấy xác nhận mua đất ngày

02/04/2014 giữa ông Kh và bà Hồ Thị B; Hợp đồng thuê đất giữa ông Kh và anh Phan Thanh H; chị L cung cấp chứng cứ mới: Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất ngày 01/04/2022, biên bản về việc giải quyết việc thi hành án, Hợp đồng bán đấu giá tài sản và các phụ lục hợp đồng; Thông báo về việc người được thi hành án nhận tài sản để bù trừ vào số tiền được thi hành án, Biên bản về việc giao quyền sử dụng đất. Ông Kh, chị L đều trình bày các tài liệu chứng cứ trên Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo và không biết để cung cấp tại cấp sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Kh.

Nguồn gốc đất tranh chấp, quản lý sử dụng và đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chị L trình bày nguồn gốc đất là của bà Hồ Thị B, do bà B là người có nghĩa vụ phải thi hành án nhiều bản án có liên quan đến khoản nợ của bà B, Cơ quan Thi hành án huyện Long Hồ tiến hành cưỡng chế kê biên bán đấu giá tài sản của bà B là các thửa đất số 1868, diện tích hiện trạng 380,1m², loại đất trồng cây lâu năm; thửa đất 1718, diện tích hiện trạng 159,3m². Qua nhiều lần bán đấu giá tài sản nêu trên không có người đăng ký mua. Tại thông báo số 454/TB-THADS, ngày 8/10/2018 chị L đã đồng ý nhận các thửa đất nêu trên để trừ số tiền được thi hành án, giá trị các thửa đất là 754.540.955 đồng. Ngày 08/01/2020, Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Long Hồ tiến hành giao đất cho chị L thể hiện phần đất được giao có thiếu diện tích khoảng 58m² do ông Kh đang quản lý sử dụng và cho rằng ông Kh đã lấn chiếm. Như vậy, mặc dù biết diện tích đất được giao không đủ và ông Kh đang quản lý, sử dụng nhưng chị L vẫn đồng ý nhận đất. Sau đó, chị L lập thủ tục đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể: Thửa đất số 743 (thửa cũ 1868) diện tích 380,1m² (trong đó có 248,3m² đất ở, 131,8m² đất trồng cây lâu năm) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất GCN: CS 09688, ngày 08/05/2020. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị L khởi kiện yêu cầu ông Kh trả diện tích 55,4m² (đo đạc hiện trạng) vì cho rằng ông Kh lấn chiếm đất của chị L.

Ông Nguyễn Đắc Kh trình bày nguồn gốc đất là của bà Hồ Thị B, ngày 02/4/2014 bà Hồ Thị B chuyển nhượng cho ông Kh phần đất có diện tích khoảng 57m² với giá chuyển nhượng là 56.875.000 đồng, ông Kh đã giao đủ tiền cho bà B, bà B cũng đã giao đất cho ông Kh quản lý sử dụng, hợp đồng với hình thức giấy tay (BL 119). Hiện trạng đất khi nhận chuyển nhượng là đất ao nên sau khi nhận chuyển nhượng ông Kh đã tiến hành san lấp, cải tạo đất và xây dựng tường để làm ranh giới với phần đất còn lại của B, ông Kh quản lý sử dụng đất từ năm năm 2014 cho đến nay là do ông Kh nhận chuyển nhượng đất của bà B nên việc chị L khởi kiện cho rằng ông Kh lấn chiếm đất của chị L là không có căn cứ nên không đồng ý giao trả phần đất tranh chấp cho chị L.

Xét, chị L cho rằng phần đất tách thửa 743-2 ông Kh lấn chiếm:

Năm 2014, ông Kh đã nhận chuyển nhượng đất của bà Hồ Thị B, bà B giao đất cho ông Kh quản lý sử dụng, ông Kh đã trả tiền chuyển nhượng đất cho Bà B thể hiện qua tài liệu chứng cứ ông Kh cung cấp là “Giấy xác nhận mua đất” ngày 02/4/2014. Như vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Kh và bà B chưa tuân thủ về mặt hình thức nhưng các đương sự đã thực hiện xong nghĩa vụ (giao đất, nhận tiền). Trong quá trình quản lý sử dụng ông Kh đã tiến hành xây dựng tường rào làm ranh giới với phần đất còn lại của bà B, tiến hành san lấp cải tạo, hiện đang cho thuê không có phát sinh tranh chấp, không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt về hành vi lấn chiếm đất. Chị L là người nhận tài sản của người bị thi hành án để thực hiện nghĩa vụ thi hành án, tại thời điểm nhận tài sản chị L đã biết được hiện trạng phần đất tranh chấp là do ông Kh đang quản lý sử dụng nhưng vẫn đồng ý tài sản, không có khiếu nại. Đến ngày 08/05/2020, chị L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 743 (thửa cũ 1868) diện tích 380,1m² nhưng trong đó có phần đất tách thửa 743-2, diện tích 55,4 m² chị L không được giao khi nhận tài sản từ Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Long Hồ mà do ông Kh đã quản lý sử dụng từ năm 2014 đến nay nên chị L cho rằng ông Kh lấn chiếm phần đất tách thửa 743-2 là không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Kh, bà Th yêu cầu được công nhận đất nêu trên, ông Kh đồng ý trả giá trị đất cho chị L 1.800.000 đồng/m² với diện tích 55,4m², loại đất vườn. Xét, mặc dù hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Kh và bà B hiện không phát sinh tranh chấp với người thứ ba, nhưng ông Kh đồng ý trả giá trị đất cho chị L để được công nhận quyền sử dụng tại tách thửa 743-2 là tự nguyện nên công nhận sự tự nguyện của ông Kh, bà Th.

Xét về giá đất: Tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 06/05/2021 chị L thống nhất giá đất là 240.000 đồng/m² đối với loại đất trồng cây. Theo quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định thì giá đất tại thửa 743; loại đất trồng cây lâu năm là 270.000đồng/m², ông Kh, bà Th đồng ý trả giá trị đất 1.700.000 đồng/m² (hơn 06 lần) mức giá quy định. Đại diện nguyên đơn đồng ý công nhận phần đất tách thửa 743-2 cho ông Kh, nhưng ông Kh phải trả giá trị đất 8.000.000 đồng/m², loại đất cây lâu năm nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp.

Như vậy, ông Kh quản lý sử dụng phần đất tách thửa 743-2 là do xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Kh và bà B, không lấn chiếm đất của chị L nhưng tại phiên tòa ông Kh, bà Th đồng ý trả giá trị đất cho chị L là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của ông Kh, bà Th và chị L.

Đối với hợp đồng thuê đất giữa ông Kh và ông H: Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng xin vắng mặt, hợp đồng thuê đất giữa ông Kh và anh H hiện nay ông Kh, anh H vẫn đồng ý tiếp tục thực hiện việc cho thuê đất, các đương sự không tranh chấp nên không xem xét trong vụ án này.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Kh. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DSST, ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là không có căn cứ chấp nhận như đã nhận định nêu trên.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Khoản 2 Điều 309 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đắc Kh. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST, ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

1/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng L.

Công nhận quyền sử dụng đất thuộc tách thửa đất 743-2, diện tích 55,4m², loại đất CLN, tọa lạc tại xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cho ông Nguyễn Đắc Kh và bà Nguyễn Thị Th (gồm các mốc 1, 14, 7, 8, 12, 1 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 04/10/2021 và kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 06/01/2022).

Công nhận sự tự nguyện của Ông Nguyễn Đắc Kh và bà Nguyễn Thị Th trả giá trị phần đất thuộc tách thửa 743-2, diện tích 55,4m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cho chị Trần Thị Hồng L với số tiền là 94.180.000 đồng (Chín mươi bốn triệu một trăm tám mươi ngàn đồng).

Các đương sự thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị sẽ có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2/ Về chi phí tố tụng số tiền 2.105.000đồng. Buộc ông Kh, bà Th nộp 2.105.000 đồng nhưng do chị L đã nộp tạm ứng trước nên ông Kh, bà Th phải nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Long Hồ để hoàn trả cho chị L số tiền 2.105.000đồng (Hai triệu một trăm lẻ năm ngàn đồng)

3/Án phí

3.1/Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Kh, bà Th (người cao tuổi).

Hoàn trả chị Trần Thị Hồng L số tiền tạm ứng án phí là 2.276.000 đồng (Hai triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Long Hồ theo biên lai thu số 0006599, ngày 25/03/2021.

3.2/Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Kh, bà Th (người cao tuổi có đơn xin miễn giảm án phí).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a, 7b,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TANDTC.
- VKSND TVL.
- CA TAND TVL.
- TAND. HLH
- Chi cục THADS. HLH.
- Các đương sự.
- Lưu HS; TNV, TDS

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Duy Mỹ Ngọc